

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

DẤU ẤN ĐỊA VĂN HÓA PHƯƠNG NAM QUA THƠ MỚI 1932-1945

LÊ VĂN PHƯƠNG*

TÓM TẮT: Phong trào Thơ mới của dân tộc được nảy mầm và phát triển rực rỡ tính đến nay đã ngót trăm năm nhưng giá trị của nó vẫn không thể phủ nhận. Để làm nên “một cuộc cách mạng trong thi ca” dân tộc, phải kể đến sự đóng góp rất đáng trân quý của những cây bút Thơ mới phương Nam với tư cách mở đường. Những năm gần đây, giới nghiên cứu đã và đang tìm kiếm, khám phá những giá trị của mảng thi ca này trên bình diện nội dung và hình thức biểu hiện. Tuy nhiên, dấu ấn địa văn hóa của vùng đất phương Nam trong Thơ mới Nam Bộ thì vẫn chưa được khám phá. Đằng sau lớp vỏ ngôn từ có phần “thô ráp”, mộc mạc, người đọc sẽ cảm thấy được những nét đẹp của mảnh đất và con người nơi đây với những dấu ấn riêng, gắn liền với tâm thức, văn hóa đặc thù. Sẽ không sai khi khẳng định, những yếu tố địa văn hóa đã góp phần tạo nên giá trị của Thơ mới Nam Bộ 1932-1945.

TỪ KHÓA: Thơ mới Nam Bộ; địa văn hóa; tâm thức; tình yêu; lãng mạn.

NHẬN BÀI: 30/3/2020.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 23/6/2020

1. Đặt vấn đề

Thời gian qua, Thơ mới Nam Bộ đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ như nguồn cảm hứng, nội dung và hình thức biểu hiện... Bên cạnh đó, còn một góc nhìn khá thú vị về mảng thi ca đặc biệt này chính là dấu ấn địa văn hóa vẫn chưa được giới nghiên cứu quan tâm. Đặt Thơ mới Nam Bộ trong mối quan hệ giữa văn học và văn hóa, nghĩa là dùng những yếu tố của chính môi trường lịch sử, môi trường địa lí đã sinh ra nó để tìm hiểu và đánh giá nó, chúng ta mới thấy rõ đặc điểm tâm thức cộng đồng người khai phá; yếu tố địa văn hóa mang tính đặc thù của vùng đất mới phương Nam những thập kỉ đầu thế kỉ XX.

Từ nguồn tư liệu sách in và trên các tờ báo ở Nam Bộ đầu thế kỉ XX, chúng tôi đã thu thập được trên 100 bài Thơ mới ra đời ở Nam Bộ. Đây là nguồn dữ liệu quan trọng, làm cơ sở để tác giả bài viết bước đầu đi vào khảo sát sự phản ánh những dấu ấn địa văn hóa phương Nam trong Thơ mới từ ngày khởi hướng về sự đổi mới cho tới khi nó “đủ lớn” để hòa nhập vào cuộc cách mạng trong thi ca dân tộc.

2. Đặc điểm của dấu ấn địa văn hóa phương Nam qua Thơ Mới 1932-1945

2.1. Văn hóa và văn học có mối quan hệ hữu cơ không tách rời, văn hóa chi phối đến mọi mặt đời sống văn học nhưng chính văn học cũng góp phần làm nên các giá trị văn hóa tinh thần. Nếu hiểu văn hóa “là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình” thì văn học là hoạt động lưu giữ những thành quả đó một cách sinh động nhất. Để đạt được những thành quả đó, văn hoá của một dân tộc cũng như của toàn thể nhân loại từng trải qua nhiều chặng đường tìm kiếm, chọn lựa, đấu tranh và sáng tạo để hình thành những giá trị trong xã hội. Văn học vừa thể hiện con đường tìm kiếm đó, vừa là nơi định hình những giá trị đã hình thành. Nói cách khác, văn học là văn hoá lên tiếng bằng ngôn từ nghệ thuật. Văn học có lúc được coi là tiếng nói của con người, có lúc được xác định là một hình thái ý thức, một công cụ nhận thức, phản ánh, miêu tả thực lại, là hình ảnh, bức tranh của cuộc sống, rồi có lúc văn học lại được định danh là một loại hình nghệ thuật đặc biệt dùng ngôn từ làm phương tiện biểu đạt, là nghệ thuật ngôn từ... Do đó mà các tác phẩm, cũng như các công trình nghiên cứu văn chương, được thực hiện theo những khuynh hướng và những phương pháp khác nhau kéo theo ý nghĩa và giá trị cũng có nhiều mức độ. Sự khác biệt này do hàng loạt yếu tố khách quan và chủ quan quy định nhưng có thể nói một cách khái quát rằng do tác động của môi trường sống, của thời đại khúc xạ qua lăng kính của từng cá nhân người sáng tác hay nghiên cứu. Xác định mối quan hệ giữa văn hoá và văn học là một việc cần thiết để đánh giá được sự tác động, bổ sung lẫn nhau giữa hai lĩnh vực vốn có mối liên quan mật thiết.

2.2. Trước hết, chúng ta điểm qua vài nét về vùng đất Nam Bộ và tâm thức của con người nơi đây luôn khao khát hướng đến sự cách tân, đến cảm thức tự do trong cuộc sống và sáng tạo nghệ thuật. Khảo cổ học đã chứng minh từ cách đây hàng chục vạn năm, trên vùng đất Nam Bộ đã có người cổ sinh sống.

* TS; Trường Đại học Cần Thơ; Email: vanphuongtanluoc@gmail.com

Bước sang hậu kì đá mới - sơ kì đồ đồng, cư dân vùng đất này đã tạo dựng nên một nền văn hoá phát triển dựa trên nền tảng nghề trồng lúa nước. Các di chỉ phát hiện dọc theo lưu vực sông Đồng Nai với diễn biến khá liên tục từ di tích Cầu Sắt (tỉnh Đồng Nai) đến Bến Đố (Thành phố Hồ Chí Minh), Phước Tân (tỉnh Đồng Nai), Cù Lao Rùa (tỉnh Bình Dương), Dốc Chùa (tỉnh Bình Dương), Cần Giò (Thành phố Hồ Chí Minh)... Trên cơ sở phát triển kinh tế - xã hội cuối thời kì đồ đồng, sơ kì đồ sắt, dưới tác động văn minh Ấn Độ, khoảng đầu Công Nguyên, vùng đất Nam Bộ bước vào thời kì lập quốc. Căn cứ vào các ghi chép trong các thư tịch cổ Trung Quốc thì vào khoảng thời gian đó phía nam của Lâm Ấp (ChămPa), tương ứng với vùng đất Nam Bộ ngày nay, đã xuất hiện một quốc gia có tên gọi là Phù Nam². Trải qua bao năm tháng, tính đến thế kỉ thứ XVII, đất phương Nam vẫn rất hoang dã và còn đầy rẫy hiểm nguy từ thiên nhiên nhưng cũng đầy hứa hẹn với những cánh đồng phì nhiêu trù phú nếu nó được bàn tay con người vun xới, gieo trồng.

Tâm thức con người phương Nam luôn gắn liền với khát vọng khai mở năng lực, ý chí xông pha mạo hiểm hướng về chân trời của sự tự do mới mẻ không chỉ về hạ tầng kinh tế mà còn về thượng tầng văn hóa, văn học. Trong hình trình xuôi Nam, con người vùng đất mới luôn giữ bên mình những truyền thống của đất tổ quê cha, nhưng vẫn sẵn sàng hòa nhập vào không gian mới, môi trường sống mới để làm nên những giá trị vật chất và tinh thần mới nhất là khi có sự đụng độ, gãy đứt của hai nền văn hóa Đông - Tây.

Vào khoảng quá giữa thế kỉ XIX, với sự xâm lược của Pháp, kéo theo một luồng văn hóa phương Tây thổi vào vùng đất Nam Bộ đã dần làm thay đổi mọi lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là đời sống tinh thần mà khởi thủy là hoạt động báo chí. Năm 1865, tờ *Gia Định báo* ra đời do Trương Vĩnh Ký phụ trách. *Gia Định báo* thực chất là một công báo (Journal officiel) của Pháp cho nên các vấn đề về văn chương, học thuật chỉ giữ vị trí “đứng kế” mà thôi. Tuy nhiên, xuất phát từ ý tưởng canh tân về lĩnh vực sinh hoạt văn chương học thuật cho người Việt Nam, Trương Vĩnh Ký đã có những đóng góp không nhỏ nhằm thúc đẩy phong trào hoạt động sáng tác văn chương, dịch thuật ở Nam Bộ. Sự ra đời của tờ báo này có tác dụng châm ngòi, khởi xướng cho hoạt động sáng tạo văn chương nói chung, cho thơ ca nói riêng ở Nam Bộ. Riêng mảng thơ ca, do còn chịu sự níu kéo của thi ca truyền thống nên đến đầu thập niên 30 của thế kỉ XX mới xuất hiện nhưng lại tạo nên một tiếng vang lớn, khởi thủy cho phong trào sáng tác thơ bằng chữ quốc ngữ theo lối mới.

Để thúc đẩy phong trào sáng tác thơ ca bằng chữ quốc ngữ phát triển, bên cạnh sự nỗ lực của những cây bút phương Nam, phải kể đến vai trò của một số cây bút đến làm việc ở Nam Bộ từ các vùng miền khác, góp phần khơi dậy phong trào Thơ mới như Phan Khôi, Lưu Trọng Lư, Vân Đài... Với sự đóng góp tích cực của họ, đã góp phần làm sôi động hơn cho sinh hoạt văn chương học thuật, dẫn đến sự xuất hiện một tầng lớp thi nhân mới ở Nam Bộ như Đông Hồ, Mộng Tuyết, Huỳnh Văn Nghệ, Hồ Văn Hảo, Không Dương...

Thơ mới Nam Bộ được định hình và phát triển phải tính từ thời điểm tờ báo *Phụ Nữ Tân Văn* xuất hiện. Khởi đầu là Phan Khôi với *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ* trên báo *Phụ Nữ Tân Văn* số tháng 3 năm 1932 (Gần đây trên *Báo Điện tử Tổ quốc*, Lại Nguyên Ân đã công bố thông tin bài “*Một lối thơ trình chánh giữa làng thơ*” của Phan Khôi được đăng trên *Tập văn mùa xuân* của *Báo Đông Tây* năm 1932 - ngày mừng một tết, nhằm ngày 06.02.1932 dương lịch) làm rung chuyển tâm thức của những người yêu thơ. Phan Khôi đã lên tiếng về sự câu thúc của thơ cổ điển với bao nhiêu áp lực của những khuôn vàng thước ngọc tuy lộng lẫy, uy nghi nhưng cũng là một rào chắn khó chịu đối với nguồn cảm hứng và khả năng sáng tạo nghệ thuật của cá nhân. Phan Khôi đã ráo riết đặt ra yêu cầu cấp thiết là phải đổi mới, phải đem đến một diện mạo mới cho thi ca dân tộc. Kế đến là những bài viết của Lưu Trọng Lư bày tỏ thái độ ủng hộ Thơ mới một cách nhiệt thành bởi “*nó có thể giúp giải quyết tình cảnh bế tắc của thơ ca đương bơ vơ đi tìm người thi nhân của mình như con đi tìm mẹ*”... Bất chấp với tinh thần ủng hộ Thơ mới, nữ sĩ Manh Manh (Nguyễn Thị Kiềm) - cánh én đầu mùa của làng Thơ mới Nam Bộ đã đem đến cho thi ca một bầu không khí náo nức, rộn ràng bằng những cuộc diễn thuyết đầy thuyết phục. Nữ sĩ khẳng định quan điểm của mình một cách mạnh mẽ, dứt khoát: “*thơ Đường luật là một lối thơ rất bó buộc về từng câu từng chữ, chặt chĩa về luật bình trắc, về phép đối, về câu chữ... Người làm thơ phải ở trong một phạm vi eo hẹp lúng túng*” nên “*muốn cho tình tứ không vì khuôn khổ mà bị “đet” mất thì phải*

có một lối thơ khác có lẽ rộng rãi hơn". Manh Manh còn đưa ra một vài đối chiếu với vần điệu của thơ Tây làm tăng tính thuyết phục cho lời diễn thuyết của mình, kêu gọi sự ủng hộ sáng tạo thơ ca bằng chữ quốc ngữ theo lối mới. Tiếp theo Manh Manh, trên báo chí Nam Bộ còn xuất hiện nhiều bài viết ủng hộ phong trào Thơ mới như L.D, Thạch Lan, Hồ Văn Hào,... và cả những bài viết bảo vệ phái thơ cũ, tạo nên một cuộc tranh luận gay gắt, thúc đẩy Thơ mới hoàn thiện và phát triển hơn. Có thể nói, sự xuất hiện của báo chí, đặc biệt là *Phụ nữ tân văn* đã khơi dậy, thúc đẩy hoạt động sáng tác, phê bình thơ ca bằng chữ quốc ngữ của những tác giả đương thời ở Nam Bộ. Nó như một cơn đur chấn dữ dội càn quét vào thành trì của thơ cũ, thúc đẩy sự ra đời của phong trào Thơ mới đầu những năm 30 của thế kỉ XX ở vùng đất mới phương Nam - nơi đang diễn ra cuộc đụng độ, gãy đứt của hai luồng văn hóa và học Đông-Tây.

Với tinh thần "tiên khai khẩn, hậu khai cơ", tâm thức khai phá của con người phương Nam không chỉ có nghĩa là mở đất, mà còn là hướng về mục tiêu mở rộng thêm kho tàng thơ ca dân tộc, phá vào đó phong vị "huơng xa" từ văn học phương Tây và nó không hề gây sự phản cảm hay đối chọi với thần thái và khí sắc Thơ mới Nam Bộ. Song hành với thể hiện quan điểm, những cây bút vùng đất mới phương Nam còn mở rộng tâm hồn mình, hướng về chân trời tự do, khát khao thể hiện cảm thức tự do trong sáng tạo thi ca nhằm thoát khỏi sự tẻ nhạt tầm thường của thực tại. Đó có thể là sự náo nức hướng về chân trời mới:

*Trời xanh xanh nước cũng xanh xanh
Bao la thế giới một vành
Nơi nào cũng bén để dành riêng ai?*

(Sa đà, Manh Manh)

Hoặc niềm khao khát được đắm mình trong mọi chiều kích của không gian bao la, bất tận:

*Có giòng suối thấm không chiều gió
Là thả về xa cứ đứng im*

*Mây trắng chát đầy con mộng đẹp
Tầng cao ai cần lạc đường chim*

(*Thơ bên giếng*, Đỗ Huy Nhiệm)

Trong thơ Huỳnh Văn Nghệ, vẻ đẹp của dòng sông không chỉ là vẻ đẹp của một sự vật, hiện tượng, mà là một thực thể sống động ngập tràn cảm xúc. Cho dù bao thác ghềnh trắc trở, những con sông miền đất mới luôn hùng vĩ chảy về đại dương mênh mông như chờ nặng ý chí, khát vọng tự do của con người:

*Dặm xa... vượt núi băng ngàn
Gặp La Ngà, nghĩa bạn vàng kết đôi,*

*Thề: "Dù thác trở núi đôi,
Cũng liều sống thác tìm trời tự do.*

(*Sông Đồng Nai*)

Bằng tâm thế của con người yêu mến tự do, với khát vọng khai phá cái mới, những cây bút Nam Bộ đã sử dụng phương tiện chất liệu chữ quốc ngữ, đã tiếp nhận các trào lưu văn học lớn ở phương Tây như lãng mạn, hiện thực để mang lại màu sắc mới mẻ cho nền văn học Việt Nam bằng sự mở rộng các phương diện hoạt động văn học như dịch thuật, biên khảo, phê bình, và nhất là sáng tác thơ ca. Bằng thực tiễn sáng tác, những cây bút phương Nam đã thực hiện được sự nói rộng những giới hạn cảm hứng, vần điệu, đề ra được quan niệm mới về ngôn ngữ, hình ảnh, đã xây dựng thành công một dung mạo mới mẻ cho thơ ca vùng miền của mình. Với những đóng góp ấy, họ đã thể hiện rõ năng lực tự biểu hiện, khẳng định mình, hội nhập vững vàng vào dòng chảy của Thơ mới Việt Nam.

2.3. Thơ mới Nam Bộ không chỉ thể hiện tâm thức của con người phương Nam hướng đến cái mới, đến chân trời tự do mà còn chờ nặng dấu ấn địa văn hóa phương Nam. Văn học là nghệ thuật ngôn từ, dùng hình tượng để thể hiện đời sống và xã hội con người. Văn học ở thời nào cũng phải đặt trong cấu trúc tổng thể của văn hoá, nhưng hướng tiếp cận văn học từ góc độ văn hoá hiện nay vẫn là vấn đề rất mới mẻ. Trước đây, văn học và văn hoá thường mang tính khu biệt rõ nét do người ta quan niệm văn học có đặc trưng loại biệt. Ngày nay, đặc trưng loại biệt không phải là không còn, nhưng cách tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hoá dần khẳng định tính ưu việt của nó. Cách tiếp cận này đã xem văn học như một thành tố trong cấu trúc của tổng thể văn hoá, nó truyền tải, lưu giữ được những giá trị văn hoá. Nghiên cứu văn học từ góc nhìn văn hoá thực chất là khảo sát một hiện tượng văn học thông qua các mối quan hệ giữa nó với các hiện tượng, các giá trị tinh thần - thực thể có liên quan và có tác động tới nó như yếu tố địa lí, phong

tục sinh hoạt, tính cách, tâm tư tình cảm chịu sự tác động từ môi trường địa lí đó. Từ góc nhìn này, Thơ mới Nam Bộ luôn đọng đầy dấu ấn địa văn hóa của vùng đất mới phương Nam.

Dấu ấn địa văn hóa dễ nhận biết nhất trong Thơ mới Nam Bộ là không gian nghệ thuật được hình thành từ không gian địa lí đặc thù của thiên nhiên - đồng bằng - sông nước, của rừng thẳm sông dài. Hệ thống hình ảnh trong Thơ mới Nam Bộ cho thấy con người phương Nam đã xây dựng một dòng thơ in đậm bản sắc địa lí đặc thù, với không gian thiên nhiên, không gian lao động, không gian sinh hoạt của vùng sông nước được đan xen khá hài hòa và nhuần nhuyễn.

Tiếp cận với Thơ mới Nam Bộ, người đọc cảm nhận khá rõ nét không gian rừng thẳm, sông dài cùng với cảnh sắc bốn mùa đậm đà phong vị miền Đông Nam Bộ. Rừng thẳm đồng hành trong từng chặng đường lịch sử của người Đông Nam Bộ và trở thành nguồn cảm hứng trong thơ Huỳnh Văn Nghệ (*Đồng Nai, Chiến khu, La Ngà, Chiến khu Đ, Nắm mộ giữa rừng, Nhớ rừng, Lịch sử Đồng Nai,...*). Trong các bài thơ ấy, chúng ta có nhiều cách tiếp cận về rừng từ nhiều góc độ như cảnh quan thiên nhiên, rừng và cuộc kháng chiến, rừng thân thương bao bọc... và ấn tượng nhất là không gian rừng thẳm đầy vẻ hoang sơ, đầy sức sống với âm thanh muôn loài, riu rít tiếng chim và vọng xa tiếng vượn:

*"Rừng đẹp như một bài thơ cổ
Cảnh cao vượn hú
Riu rít tổ chim.*

*Bờ suối đỏ hoa sim
Thảm cỏ xanh điểm vàng quả bứa."*

(Rừng đẹp)

Hoặc không gian thiên nhiên nóng rực như rang ở miền Đông Nam Bộ:

*Gió bốc khói tuôn lên cuồng bụi trắng
Xóm mờ xa khuất dạng sau rừng tre*

*Mồ hôi chảy vòng quanh đôi má nám
Bà bán cau, bước mãi dưới trưa hè*

(Bà bán cau)

Không gian đồng bằng sông Cửu Long trong Thơ mới cũng hiện lên thật đậm nét qua cảnh trời, sắc nước, ruộng vườn: *Sáng nay trời ửng bốn phương/ Mây hồng mây tím tung bồng khoe tươi/ Gió đông trong lá vàng cười/ Cảnh tre chim hót, họa lời ái ân*" (*Một buổi sáng* - Hồ Văn Hào).

Dấu ấn địa văn hóa trong thơ trữ tình thiên nhiên trong Thơ mới Nam Bộ thể hiện sự rung cảm của người làm thơ khi nhận ra vẻ đẹp của thiên nhiên, biết giao hòa tình cảm với thiên nhiên, tự nối kết mình với môi trường không gian và cảnh sắc sinh hoạt chung quanh. Vì thế, cảnh bướm, ong, chim, lá của vườn quê Nam Bộ cũng chớ nặng tình người, in đậm trong thơ Hồ Văn Hào: *Ngày vẫn trong veo lá nỡ nường/ Nhạc đời đang trôi khúc yêu đương/ Êm êm tổ ấm chim ca hót/ Ong phủ cánh lê bướm ngập vườn* (*Giang hồ*).

Và đây đó còn hiện lên khung cảnh đường quê Nam Bộ thật riêng biệt qua bài thơ *Đường quê* của Huỳnh Hoa:

*Trên đường đê vắng, lúa vàng bông
Đôi bước người đi, lẳng lặng đồng*

*Cỏ muồn say sưa nghiêng xuống nước
Nước mừng dưng đến ngập tràn sông.*

Độc đáo hơn, Thơ mới Nam Bộ còn gắn liền cảm hứng trữ tình thiên nhiên trong những mối quan hệ với sinh hoạt gia đình, làng xóm, nhằm khắc tạc dấu ấn địa văn hóa phương Nam:

*Bên cạnh chuồng trâu, cạnh ổ rom
Mục đồng thơ thới xới nổi com*

*Khói xanh vẫn tỏa, đàn trâu ốm
Sưởi khói mồm nhơi, ngậy mắt dòm.*

(Đêm trăng thôn quê, Lâm Huyền Lan)

Hình ảnh sinh hoạt nông thôn trong Thơ mới Nam Bộ có khi hiện lên rất mới mẻ đặc sắc, đầy dấu ấn cảm thụ cá nhân và mang đậm yếu tố địa văn hóa. Đây sẽ là những hình ảnh mà Thơ mới Nam Bộ lưu giữ được về một thời của làng xóm phương Nam vào mùa thu hoạch: *"Đây có ba người đập lúa tay/ Minh trần, da sạm, lảng mồ hôi/ Rào rào mưa đổ trong khuya vắng/ Từng loạt vàng rơi mặt đất dày/ Có tiếng chày ba nhịp ánh trăng/ Tiếng hò từng lúc gió đưa sang/ Trai làng thẳm tường ba cô gái/ Má thắm môi duyên đẹp dịu dàng..."* (*Đêm trăng thôn quê*, Lâm Huyền Lan).

Thiên nhiên trong Thơ mới Nam Bộ nhiều khi còn hòa quyện với nhiều trạng thái tâm tình như tình gia đình, tình đôi lứa, các trạng thái tình cảm...

Sông chiều nước lớn tràn bờ/ Cô đò đưa đám học trò sang sông/ Mỗi chiều má mỗi thêm hồng/

Mỗi chiều cô lại mơ chồng văn nhân...

(Chiều, Huỳnh Văn Nghệ)

Đôi khi, thiên nhiên Nam Bộ lại gắn bó, hòa nhịp vào khát vọng tình yêu đôi lứa của con người thật tinh tế mà hồn nhiên:

Lúa đang bông, lúa trông mùa hái/ Em là gái, em đợi mùa thương

(*Em và cây lúa*, Mộng Hồn Quyên)

Lấy thiên nhiên làm đối tượng trữ tình, Thơ mới chia sẻ cảm xúc hoặc làm nơi trú ẩn tâm hồn con người. Từ đó, phạm vi tồn tại của cảm xúc con người với thế giới khách quan được nói rộng tối đa với những sắc màu tình cảm khác nhau: “Mưa đưa thương nhớ về làng/ Mưa làm xa những dặm đường bên sông/ Chiều nay mở cửa ra trông/ Thấy làng đâu? Chỉ thấy lòng mà thôi...” (Làng tôi tôi nhớ, Yên Lan).

Dù đề tài không thực sự mới, nhưng cảm hứng thiên nhiên, phong cảnh, không gian khi đi vào Thơ mới Nam Bộ lại in đậm dấu ấn bản sắc của địa văn hóa của vùng đất phương Nam. Cảnh sắc thiên nhiên Nam Bộ trở nên mới mẻ hơn nhiều so với cách khắc họa thiên nhiên thường gặp trong thơ ca cổ điển. Phải chăng nền tảng địa văn hóa đã làm nên thành tựu đáng kể này của Thơ mới Nam Bộ.

2.4. Việc nghiên cứu văn học dưới góc nhìn văn hóa cũng cần phải chú ý đến các quan niệm nghệ thuật của vùng miền, nghiên cứu ngôn ngữ vùng miền được sử dụng làm chất liệu nghệ thuật cho tác phẩm văn chương. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ hướng đến một vài bình diện cơ bản của Thơ mới Nam Bộ.

Trong quá trình sáng tạo, các nhà Thơ mới Nam Bộ luôn đề cao ý thức về văn điệu và ngôn ngữ mà họ gọi là “theo lối mới” nhằm truyền tải tâm tư tình cảm của con người phương Nam. Đơn cử như bài *Ở Mỹ Tho, trên bờ Cửu Long giang cảm tác* đăng trên báo *Phụ Nữ Tân Văn* 1932:

Cửu Long kia! / Tâm rông đâu nữa! / Một là Nam Vang, / Long Xuyên, / Cần Thơ, / Mỹ Tho, / Sa Đéc,

Sóng nổi cuộn cuộn, / bờ bên mặt mũi, / rộng thấy! / Thông thương tiện, / ruộng vườn phì nhiêu / nhớ

Đâu từ núi Bắc, / chơn tận biển Nam, / dài thay! / sông ấy hết.

Vạn Tượng, / Luang Prabang, / Xa quang na khét, / Lấy đất nước phương Bắc / mà bồi bổ miền Nam,

Áy mới thật là: / long linh cư tại thủy thâm!

Thực chất, đây là một bài thơ xếp vào dạng thử nghiệm của tác giả Nam Bộ gieo vần theo lối thơ Tây. Kết cấu câu thơ có độ dài khác thường, câu thơ dài ngắn không đều nhau gợi cho người đọc liên tưởng đến những câu thơ rất dài của Alfred de Musset trong *Chùm thơ đêm*, và các bài thơ *Hồ*, *Hữu quạnh* rất nổi tiếng của Lamartine. Ở bài thơ này, dù hình thức của câu thơ đậm chất Tây, cho thấy khát vọng cách tân cháy bỏng của người làm thơ vùng đất mới nhưng vẫn không thể nào đẩy lùi được giọng điệu và hệ thống hình ảnh thơ mang đậm dấu ấn địa văn hóa.

Theo độ lùi của thời gian và sự phát triển mạnh mẽ của phong trào sáng tác thơ ca theo lối mới bằng chữ quốc ngữ, những cây bút thơ Nam Bộ ngày càng say mê sáng tạo các thể thơ 4 chữ, 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ hết sức tự do, phóng khoáng về số câu, số chữ và văn điệu, tạo nên sự bùng nổ của một phong trào sáng tác thơ tự do. Điều đặc biệt là, dấu có cách tân đến mấy thì hệ thống ngôn ngữ và chất giọng địa phương vẫn không hề giảm đi mà còn có dấu hiệu gia tăng, nhất là trong các sáng tác của Manh Manh, Hồ Văn Hào, Huỳnh Văn Nghệ... Chúng ta dễ dàng nhận thấy đặc điểm này qua một số bài thơ *Con nhà thất nghiệp*, *Tình thâm*, *Thi nhân với cuộc đời...* của Hồ Văn Hào, *Sa đà*, *Lá rụng* của Manh Manh; Nữ sĩ Manh Manh đã dùng thể thơ tự do với những câu thơ dài nhằm thể hiện khả năng lớn lao và đầy hứa hẹn của một nền thơ được xây dựng trên nền tảng của những giá trị chắc chắn, bền vững và có khả năng sinh sôi thêm những giá trị mới như trong bài *Bức thư gửi cho tất cả ai ưa hay là ghét lối Thơ mới*:

Đất trước dễ yên, đất sau lo xói

Rủ nhau khai phá, cắt thêm sở mới

Đất mới thì ít khó khan hơn đất dựng rồi

Nếu thật tình trồng cây thơm trở nhánh đâm chồi...

Ngôn ngữ bình dân, đại chúng như một chỉ dấu đặc trưng của Thơ mới Nam Bộ. Tuy nhiên, con người Nam Bộ luôn khao khát truyền tải cảm hứng mới, vì vậy phương thức nghệ thuật cũng như chất liệu của

ngôn từ cần phải được lựa chọn kĩ càng hơn để giảm phần thô ráp, vươn tới sự tinh tế, sắc sảo mang tính đặc thù của thi ca. Trước thực tế này, hệ thống ngôn ngữ đời thường trong Thơ mới Nam Bộ đã được người nghệ sĩ ngôn từ gọt giũa, nâng cấp thành thứ ngôn ngữ nghệ thuật - nghệ thuật mà vẫn bình dị đời thường. Trong bài thơ *Tự tình với trăng*, Hồ Văn Hào đã sáng tạo nên những vần thơ chớ nặng đặc điểm này: *Đang ngồi mơ lặng,/ Chuông chùa ai văng vẳng ở bên sông./ Tình giấc nồng,/ Ra chiều ngơ ngẩn./ Bước chân lên đàng,/ Thấy trăng lững đững ngỡ nàng theo ta.*

Bên cạnh Hồ Văn Hào, các cây bút thơ Lâm Huyền Lan, Yên Lan, Thúy Rư và nhất là Huỳnh Văn Nghệ đều cất cao ngọn bút để phát triển hệ thống ngôn ngữ thơ đậm chất nghệ thuật hơn dựa trên nền tảng, thần thái, tinh túy của chất liệu ngôn ngữ *tiếng An Nam rờng* - "đặc sản" của vùng đất Nam Bộ. Lâm Huyền Lan có cách nhìn, cách cảm rất đặc biệt đối với cảnh vật phương Nam, thể hiện qua sự mới mẻ của hệ thống hình ảnh về thiên nhiên vừa cụ thể, tươi mới vừa sinh động với các sắc màu tinh cảm mới mẻ, đúng với tinh thần tự do, mở rộng chứ không vút bỏ hẳn giá trị xưa:

*Bên bờ sông vắng gió, giăng mờ
Nguyệt lạnh, tay che nửa mặt hoa*

*Phân nửa sáng soi, phân nửa giầu
Minh trần, gái nồn tấm trăng khuya...*

(*Đêm trăng thôn quê*)

Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, các cây bút Thơ mới ở Nam Bộ luôn tâm niệm *nghệ thuật nằm ngay trong chính những điều đơn giản và tại chỗ*. Vì thế, họ luôn có ý thức cải tiến ngôn ngữ thơ từ hệ thống ngôn ngữ bản địa, biến nguồn di sản *tiếng An nam rờng* thành ngôn ngữ nghệ thuật để diễn đạt trọn vẹn tư tưởng, tinh cảm mới của con người. Đây là yếu tố then chốt, tạo nên dấu ấn riêng cho Thơ mới Nam Bộ.

3. Kết luận

Có thể nói, trong quá trình vận động, phát triển của Thơ mới Nam Bộ, những cây bút phương Nam vừa tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của văn học phương Tây, vừa sàng lọc, nâng tầm và vận dụng triệt để yếu tố địa văn hóa để sáng tạo nghệ thuật, hình thành và củng cố vị thế của mình trên thi đàn dân tộc. Trong quá trình sáng tạo ấy, những nhà Thơ mới Nam Bộ không chỉ khẳng định giá trị thơ ca mang đậm dấu ấn vùng đất mới mà còn góp phần không nhỏ để tạo nên lâu đài tráng lệ của Thơ mới dân tộc nói chung. Vì thế, việc ghi nhận sự đóng góp của Thơ mới Nam Bộ vào cuộc cách mạng trong thi ca dân tộc là một việc làm hữu ích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Minh Giang (2006), *Lược sử vùng đất Nam Bộ - Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Nguyễn Xuân Kính (2003), *Con người, môi trường văn hóa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Tấn Long (1996), *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Nhiều tác giả (2006), *Ki yếu hội thảo Văn học quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỉ XIX đến năm 1945*, Khoa Ngữ văn Trường Đại học Xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Hữu Tá, Nguyễn Thành Thi, Đoàn Lê Giang (chủ biên) (2013), *Nhìn lại Thơ mới và văn xuôi Tự lực văn đoàn*, Ki yếu hội thảo. Nxb Thanh niên, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Quang Thắng (2003), *Văn học miền Nam (tập 2)*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Trần Ngọc Thêm (2010), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.

The geo-culture imprint in new poetry 1932-1945

Abstract: The new poetry movement of the nation has sprouted and flourished for nearly a hundred years but its value is still undeniable. In order to make a "revolution in poetry", we must mention the precious contribution of the new southern poetry writers as the pioneers. In recent years, researchers have been searching and exploring the values of this genre in terms of content and form of expression. However, the geo-cultural imprint of the southern region of new southern poetry is undiscovered. Inside the shell of somewhat rough and rustic language, readers can feel the beauty of southern people and land there with their own imprints, associated with specific minds and cultures. It could be said that the geo-cultural factors contributed to the value of new southern poetry from 1932 to 1945.

Key words: New southern poetry; geo-cultural; consciousness; loves; romantic.